

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Nâng cấp tuyến đường
từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung
- Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân; số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 98 dự án do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn, Quan Hóa, Bim Sơn, Mường Lát, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy, Nga Sơn, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hà Trung, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thọ Xuân và Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN làm Chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 25/TTr-SXD ngày 02/02/2026, Văn bản số 1866/SXD-HĐXD ngày 04/3/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn -

Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân (Kèm theo báo cáo thẩm định số 1081/SXD-HĐXD ngày 02/02/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; theo đó, đầu tư nâng cấp 20,563km đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (theo TCVN 4054: 2005), có vận tốc thiết kế $V_{tk}=40\text{km/h}$; công trình thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép, tải trọng thiết kế H30-XB80; tần suất thiết kế $P=4\%$; tổng mức đầu tư 167 tỷ đồng (Một trăm sáu mươi bảy tỷ đồng); thời gian thực hiện là năm 2022-2025; chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Ngọc Lặc (nay là Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa).

Đến nay, công tác giải phóng mặt bằng đã hoàn thành và bàn giao đạt 97,4%, còn lại phạm vi mở rộng tại nút giao với đường Hồ Chí Minh/Km538+114 (trái tuyến) và một số vị trí nền đường chưa bàn giao mặt bằng; giá trị khối lượng thi công xây dựng (Gói thầu số 9) đã thực hiện đạt 90%.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện, công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) được chuẩn xác lại, làm giảm chi phí GPMB so với phương án khái toán trong TMDT được duyệt; công tác GPMB chậm nên dự án không hoàn thành theo tiến độ được duyệt và một số hạng mục công trình cần phải được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế hiện trường nhằm tăng cường an toàn giao thông, bền vững và tuổi thọ công trình, đảm bảo không làm vượt TMDT được duyệt. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là cần thiết và đúng quy định của pháp luật (*Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 376/UBND-CNXXDKH ngày 07/01/2026, trong đó thống nhất chủ trương điều chỉnh dự án*).

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở:

a) Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở:

- Bổ sung và kéo dài đoạn vượt nổi đường ngang tại 04 vị trí, gồm: Km2+995 (trái tuyến), Km14+875 (phải tuyến), Km15+100 (ngã tư), Km20+032 (trái tuyến) để phù hợp với thực tế địa hình, thoát nước rãnh dọc và tăng cường ATGT.

- Điều chỉnh gia cố mái taluy nền đường đoạn từ Km1+772 - Km1+972 (dài 200m, bên trái tuyến, phạm vi qua hồ Mũi Trâu là hồ nước điều hòa) từ “gia cố mái taluy bằng trồng cỏ” thành “gia cố mái taluy bằng BTXM M200 dày 15cm, chân khay bằng BTXM M150”.

- Điều chỉnh, bổ sung thoát nước gia cố rãnh thoát nước dọc và lề đường bằng BTXM, BTCT với tổng chiều dài 10.248m/31 đoạn; cụ thể:

+ Điều chỉnh gia cố rãnh hở, tiết diện hình thang, kích thước (0,4+1,2)x0,4m từ “rãnh đất” thành “rãnh loại rãnh kín chịu lực bằng BTCT, chiều rộng lòng rãnh $B=0,5m$, cấu tạo rãnh theo dự án được duyệt” tại 06 đoạn dài 1.927m.

+ Điều chỉnh gia cố rãnh hở, tiết diện hình thang, kích thước (0,4+1,2)x0,4m từ “rãnh đất” thành “rãnh gia cố bằng BTXM M200” tại 25 đoạn dài 8.321m. Cấu tạo thành và đáy rãnh bằng BTXM M200; vị trí qua nhà dân bố trí tấm đan bằng BTCT M250 và vuốt nối bằng bê tông M300; qua đường ngang sử dụng loại rãnh kín chịu lực, kích thước lòng (0,8x0,5)m, cấu tạo bằng BTCT M250 và BTXM M300, chiều dài rãnh bằng chiều rộng đường ngang, hoàn trả đường ngang bằng BTXM M300 dày 20cm.

- Bổ sung 50m đường công tròn D1,0m dẫn nước từ hồ thu tại Km13+290 về cửa xả.

b) Cập nhật thiết kế cơ sở theo thiết kế xây dựng điều chỉnh trong quá trình thi công (đã được Chủ đầu tư phê duyệt):

- Điều chỉnh bê tông nhựa (BTN) lớp trên từ BTNC 19 thành BTNC 16 để phù hợp với TCVN 13567-3:2022 theo Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Chủ đầu tư.

- Điều chỉnh cục bộ tìm tuyến đoạn Km14+748-Km15+139 dài 391m sang bên trái tuyến với khoảng cách từ (0-43,85)m theo Quyết định số 337/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2024 của Chủ đầu tư.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh kèm theo).

3.2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh phê duyệt: **167.000.000.000 đồng** (Một trăm sáu mươi bảy tỷ đồng); trong đó:

- Chi phí GPMB:	19.159.866.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	132.285.424.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.753.864.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.283.613.000	đồng.
- Chi phí khác:	1.446.469.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	4.070.764.000	đồng.

(Chi tiết có phụ lục TMĐT điều chỉnh và hồ sơ kèm theo).

3.3. Điều chỉnh thời gian thực hiện: Từ “Năm 2022 - 2025” thành “Hoàn thành trong năm 2026”.

3.4. Điều chỉnh địa điểm xây dựng: Từ “Các xã Quang Trung, Ngọc Liên, Ngọc Sơn, Ngọc Trung, Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc” thành “Các xã Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn”.

3.5. Nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 và số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 1081/SXD-HĐXD ngày 02/02/2026.

- Yêu cầu UBND các xã: Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn khẩn trương rà soát, thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các vị trí còn lại, đảm bảo hoàn thành và bàn giao mặt bằng **trước ngày 30/6/2026**.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Ngọc Lặc trước đây, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

- Giao Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa căn cứ hợp đồng đã ký kết, khối lượng còn lại tại các hợp đồng, tự quyết định thời gian hoàn thành hợp đồng thực hiện các gói thầu, tiến hành đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng đối với các nhà thầu làm cơ sở triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật; trong quá trình điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng, yêu cầu chủ đầu tư phải làm việc với nhà thầu xác định các công việc chậm tiến độ do các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) để xử lý các vấn đề phát sinh theo đúng các điều khoản hợp đồng đã ký và đúng với các quy định về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; đồng thời kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ các chi phí của dự án (chi phí điều chỉnh giá liên quan đến các khối lượng chậm tiến độ...); chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã: Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn
- Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1095/QĐ- UBND ngày 30/3/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB (đã bao gồm 10 % dự phòng)	36.091.780.000		19.159.866.000	-16.931.914.000
1	Chi phí phần đã thực hiện phê duyệt và chi trả		Theo các Quyết định của UBND huyện Ngọc Lặc	7.075.516.173	
2	Chi phí phần còn lại chưa thực hiện (đã bao gồm 10 % dự phòng)			12.084.350.000	
-	Chi phí phần còn lại chưa thực hiện		Khái toán chi tiết được UBND các xã Thạch Lập, Minh Sơn, Ngọc Liên thống nhất	11.292.662.139	
-	Chi phí phần phát sinh thuộc xã Minh Sơn			791.688.000	
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	104.529.989.000	cộng 1-2	132.285.424.000	27.755.435.000
1	Các hạng mục đã phê duyệt			114.429.103.000	
1.1	Các hạng mục đã phê duyệt và đã ký phụ lục hợp đồng		Hợp đồng số 03/2023/HĐ-XD ngày 08/8/2023 và PLHĐ số 03c/2025/HĐ-XD ngày 29/4/2025 đã ký giữa Ban QLDA và nhà thầu	114.044.255.000	
1.2	Các hạng mục đã phê duyệt và chưa ký phụ lục hợp đồng			384.848.000	
-	Phần giá trị thực hiện điều chỉnh giá (bù giá)		Quyết định số 05/QĐ-BQLDA ngày 19/02/2025 của Ban QLDA	187.225.000	
-	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung (lần 3)		Quyết định số 32/QĐ-BQLDA ngày 08/12/2025 của Ban QLDA	197.623.000	

TT	Khoản mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1095/QĐ- UBND ngày 30/3/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
2	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung lần này		Dự toán chi tiết	17.856.321.000	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.732.172.000	1,823% x0,8x 120.259.476.364	1.753.864.000	21.692.000
IV	CHI PHÍ PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	8.305.266.000	Cộng 1-13	8.283.612.588	-21.653.412
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT	2.512.258.000	Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh	2.512.258.000	
2	Khảo sát bước thiết kế BVTC-DT	1.355.301.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	2.856.905.000	-242.109.000
3	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	624.260.000			
4	Lập thiết kế BVTC	1.119.453.000			
5	Lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát				
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	56.098.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	56.098.000	-1.792.000
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	40.659.000		38.867.000	
6	Giám sát khảo sát				
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	74.156.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	74.156.000	
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	55.188.000		55.188.000	
7	Tư vấn thẩm tra				
-	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	90.820.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	88.854.000	-1.966.000
-	<i>Thẩm tra dự toán</i>	88.210.000		86.224.000	-1.986.000
8	Giám sát thi công				
-	Giám sát thi công	1.858.386.000	Hợp đồng số 88/2023/HĐ-TVGS ngày 08/8/2023 giữa Ban QLDA với nhà thầu và Quyết định số 312/QĐ-BQLDA ngày 08/12/2025 của Ban QLDA	2.030.501.000	172.115.000
-	Giám sát thi công RPB, vật nỏ	18.449.000	Quyết định số 363/QĐ-BQLDA ngày 25/10/2022 của Ban QLDA	16.974.588	-1.474.412

TT	Khoản mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1095/QĐ- UBND ngày 30/3/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
9	Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu				
-	Gói thầu tư vấn LCNT khảo sát, lập báo cáo NCKT	16.721.000	Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh	16.721.000	
-	Các gói thầu tư vấn	27.786.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	31.673.000	3.887.000
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.357.000		100.551.000	194.000
10	Phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu				
-	Gói thầu tư vấn LCNT khảo sát, lập báo cáo NCKT	2.000.000	Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh	2.000.000	
-	Các gói thầu tư vấn	3.644.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	5.122.000	1.478.000
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000		100.000.000	
11	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát RPB, vật nổ	11.520.000	Quyết định số 178/QĐ-BQLDA ngày 17/5/2022 của Ban QLDA	11.520.000	
12	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	150.000.000	Hợp đồng số 69/PLHĐ/2023/TVMT-TL ngày 12/4/2023 giữa Ban QLDA và nhà thầu	150.000.000	
13	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông		Khái toán theo dự án tương tự	50.000.000	50.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC	1.763.500.000	Cộng 1-8	1.446.469.000	-317.031.000
1	Chi phí kiểm toán độc lập	545.484.000	Quyết định số 35/QĐ-BQLDA ngày 12/12/2025 của Ban QLDA	403.902.000	-141.582.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	162.486.000	0,211% x 0,5x 162.929.000.000	171.760.546	9.275.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	303.137.000	Hợp đồng số 03/2023/HĐ-XD ngày 08/8/2023 và PLHĐ số 03c/2025/HĐ-XD ngày 29/4/2025 đã ký giữa Ban QLDA và nhà thầu	300.000.000	-3.137.000

TT	Khoản mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1095/QĐ- UBND ngày 30/3/2022	TMDT điều chỉnh (sau thẩm định)		Chênh lệch tăng (), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
4	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	9.039.000	Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh	9.039.000	
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	16.161.000	Quyết định số 89/QĐ-BQLDA ngày 12/4/2023 của Ban QLDA	16.095.000	-66.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	15.791.000		15.713.000	-78.000
7	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	576.000.000	Quyết định số 362/QĐ-BQLDA ngày 25/10/2022 của Ban QLDA	529.959.000	-46.041.000
8	Các chi phí khác				
-	<i>Chi phí đảm bảo an toàn giao thông</i>	135.402.000	Hợp đồng số 03/2023/HĐ-XD ngày 08/8/2023 và PLHĐ số 03c/2025/HĐ-XD ngày 29/4/2025 đã ký giữa Ban QLDA và nhà thầu		-135.402.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (không bao gồm hạng mục GPMB)	14.577.293.000	2,50% x 162.929.000.000	4.070.764.412	-10.506.528.588
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	167.000.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	167.000.000.000	0.00